

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	815020	Cơ sở Toán Tiểu học 1	2	110	Trần Thế Hiển	10993	01		2	8	3	2.B304	DGT1252	-2345678901-----
2	815020	Cơ sở Toán Tiểu học 1	2	110	Đinh Thị Hải Bình	11403	02		5	8	3	C.B108	DGT1251	-2345678901-----
3	815022	Sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học	2	110	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	01		4	9	2	C.C102	DGT1252	-23456789-----
4			2	110	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			5	6	2	C.E301	DGT1252	-23456789-----
5	815022	Sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học	2	110	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	02		4	6	3	C.E502	DGT1251	-2345678901-----
6	815023	Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học	2	75	Nguyễn Kiên Quyết	10801	01		2	1	3	1.C002	DGT1221	1234567890-----
7	815023	Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học	2	75	Nguyễn Kiên Quyết	10801	02		2	4	2	1.C203	DGT1221	123456789012345----
8	815050	Tiếng Việt 1	3	110	Hồ Văn Hải	10176	01		2	4	2	2.B205	DGT1252	-23456789012-----
9			3	110	Hồ Văn Hải	10176			6	9	2	2.B204	DGT1252	-23456789012-----
10	815050	Tiếng Việt 1	3	110	Nguyễn Thị Thu Hằng	10817	02		2	1	3	C.E301	DGT1251	-234567890-----
11			3	110	Nguyễn Thị Thu Hằng	10817			2	4	2	C.E301	DGT1251	-234567890-----
12	815054	Cơ sở Toán Tiểu học 3	3	90	Trần Thế Hiển	10993	01		2	6	2	2.B002	DGT1241	12345678901-----
13			3	90	Trần Thế Hiển	10993			4	6	2	2.B002	DGT1241	12345678901-----
14	815054	Cơ sở Toán Tiểu học 3	3	90	Đinh Thị Hải Bình	11403	02		5	6	2	C.C107	DGT1241	12345678901-----
15			3	90	Đinh Thị Hải Bình	11403			6	9	2	C.C101	DGT1241	12345678901-----
16	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	45	Trần Thị Lợi	10920	01		6	6	3	C.E302	DGT1241	1234567890-----
17	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	45	Trần Thị Lợi	10920	02		2	8	3	2.B102	DGT1241	1234567890-----
18	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	45	Phạm Sỹ Nam	11202	03		5	3	3	2.C003	DGT1241	1234567890-----
19	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	45	Phạm Sỹ Nam	11202	04		2	4	2	C.B003	DGT1241	12345678-----
20			2	45	Phạm Sỹ Nam	11202			5	1	2	2.C003	DGT1241	12345678-----
21	815058	Lý luận văn học	2	85	Trần Thị Hồng Nhung	10553	01		5	8	3	C.C107	DGT1241	1234567890-----
22	815058	Lý luận văn học	2	85	Trần Thị Hồng Nhung	10553	02		6	1	3	C.C101	DGT1241	1234567890-----
23	815065	Cơ sở Khoa học Xã hội	2	110	Phạm Thị Yến	10938	01		4	6	3	C.E603	DGT1252	-2345678901-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
24	815065	Cơ sở Khoa học Xã hội	2	110	Phạm Thị Yến	10938	02		3	8	3	2.B304	DGT1251	-2345678901-----
25	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	55	Nguyễn Thị Hương Giang	11567	01		5	1	3	2.C004	DGT1252	-2345678901-----
26	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	55	Nguyễn Thị Hương Giang	11567	02		3	1	3	1.C105	DGT1252	-2345678901-----
27	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	55	Nguyễn Thị Minh Phương	11039	03		4	9	2	C.E104	DGT1251	-23456789-----
28			2	55	Nguyễn Thị Minh Phương	11039			5	4	2	2.A002	DGT1251	-23456789-----
29	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	55	Nguyễn Thị Minh Phương	11039	04		5	1	3	2.A002	DGT1251	-2345678901-----
30	815104	Đạo đức và PPGD Đạo đức	3	75	Nguyễn Ngọc Toàn	10257	01		6	3	3	C.E105	DGT1221	123456789012345----
31	815104	Đạo đức và PPGD Đạo đức	3	75	Phạm Thị Yến	10938	02		5	6	3	1.C202	DGT1221	123456789012345----
32	815107	Phát triển NN cho HSTH trên bình diện trường từ vựng ngữ nghĩa	2	80	Hồ Văn Hải	10176	01		2	6	2	2.B109	DGT1221	123456789012345----
33	815107	Phát triển NN cho HSTH trên bình diện trường từ vựng ngữ nghĩa	2	80	Hồ Văn Hải	10176	02		6	6	3	2.B002	DGT1221	1234567890-----
34	815108	Thực tế bộ môn	1	45			43		0	0	3		DGT1231	--3-----
35	815315	PPDH Toán 2	3	45	Phạm Thị Thanh Tú	11073	01		2	1	2	C.E504	DGT1231	12-456789012-----
36			3	45	Phạm Thị Thanh Tú	11073			4	9	2	C.E203	DGT1231	12-456789012-----
37	815315	PPDH Toán 2	3	45	Phạm Thị Thanh Tú	11073	02		4	6	2	C.C107	DGT1231	12-456789012-----
38			3	45	Phạm Thị Thanh Tú	11073			6	9	2	C.A304	DGT1231	12-456789012-----
39	815315	PPDH Toán 2	3	45	Trần Thị Lợi	10920	03		2	1	2	C.E102	DGT1231	12-456789012-----
40			3	45	Trần Thị Lợi	10920			6	4	2	C.E303	DGT1231	12-456789012-----
41	815315	PPDH Toán 2	3	45	Trần Thị Lợi	10920	04		2	6	2	2.B102	DGT1231	12-456789012-----
42			3	45	Trần Thị Lợi	10920			6	9	2	C.E501	DGT1231	12-456789012-----
43	815327	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 1	2	45	Nguyễn Thị Minh Phương	11039	01		6	1	3	C.E303	DGT1231	12-45678901-----
44	815327	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 1	2	45	Nguyễn Thị Minh Phương	11039	02		2	8	3	2.B105	DGT1231	12-45678901-----
45	815327	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 1	2	45	Nguyễn Thị Minh Phương	11039	03		5	8	3	1.C103	DGT1231	12-45678901-----
46	815327	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 1	2	45	Vũ Trọng Đông	11773	04		3	3	3	1.C303	DGT1231	12-45678901-----
47	815328	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 2	2	45	Phạm Thị Thanh Tú	11073	01		6	6	3	C.E303	DGT1231	12-45678901-----
48	815328	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 2	2	45	Phạm Thị Thanh Tú	11073	02		2	3	3	C.C101	DGT1231	12-45678901-----
49	815328	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 2	2	45	Trần Thị Lợi	10920	03		5	8	3	C.E302	DGT1231	12-45678901-----
50	815328	Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm 2	2	45	Trần Thị Lợi	10920	04		5	3	3	2.B302	DGT1231	12-45678901-----
51	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Ngô Tuyết Phượng	10252	01		3	6	3	1.C304	DGT1231	12-4567890123-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
52	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252	01		4	1	2	C.B003	DGT1231	12-4567890123-----
53	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252	02		3	3	3	1.C304	DGT1231	12-4567890123-----
54			4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252			4	4	2	C.C107	DGT1231	12-4567890123-----
55	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252	03		3	1	2	1.C303	DGT1231	12-4567890123-----
56			4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252			6	1	3	C.E203	DGT1231	12-4567890123-----
57	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Nguyễn Thị Hương Giang	11567	04		3	4	2	1.C302	DGT1231	12-4567890123-----
58			4	45	Nguyễn Thị Hương Giang	11567			3	8	3	1.C305	DGT1231	12-4567890123-----
59	815405	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học	2	90	Phạm Thị Yến	10938	01		5	3	3	2.B002	DGT1241	1234567890-----
60	815405	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học	2	90	Phạm Thị Yến	10938	02		3	6	2	2.B202	DGT1241	12345678-----
61			2	90	Phạm Thị Yến	10938			5	1	2	2.B002	DGT1241	12345678-----
62	815407	Công nghệ và PPDH Công nghệ	3	80	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	01		3	6	3	1.C202	DGT1221	123456789012345----
63	815407	Công nghệ và PPDH Công nghệ	3	80	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	02		5	3	3	C.E303	DGT1221	123456789012345----
64	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	85	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	01		2	1	3	C.E302	DGT1241	1234567890-----
65	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	85	Trần Thị Nhật	10921	02		3	8	3	2.B002	DGT1241	1234567890-----
66	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	75	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	03		4	6	2	1.C202	DGT1221	123456789012345----
67	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	75	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	04		4	9	2	1.C202	DGT1221	123456789012345----
68	815502	Giáo dục văn hóa trong dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học	2	85	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	01		3	1	3	C.E105	DGT1241	1234567890-----
69	815502	Giáo dục văn hóa trong dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học	2	85	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	02		4	1	2	1.C304	DGT1241	12345678-----
70			2	85	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159			6	4	2	C.E103	DGT1241	12345678-----
71	861301	Triết học Mác - Lênin	3	160	Vũ Thị Gấm	11423	09		6	1	4	C.HTE	DGT1251,DG T1252,DGT12 53	-23456789012-----
72	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	50	Nguyễn Thị Hoàng Anh	10624	31		4	1	3	C.S_A02	DGT1251	-2345678901-----
73	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	50	Đỗ Thụy Hội Uyên	10452	32		3	8	3	C.S009	DGT1252	-2345678901-----
74	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	50	Lê Thiện Khiêm	10448	33		2	7	3	C.S_A02	DGT1251	-2345678901-----
75	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	50	Huỳnh Thanh Sơn	10915	34		3	7	3	C.S_B03	DGT1252	-2345678901-----
76	863005	Giáo dục học đại cương	2	100	Đặng Thị Thanh Hà	10702	02		6	8	3	2.B004	DGT1251	-2345678901-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
77	863005	Giáo dục học đại cương	2	100	Trương Đình Bảo Hương	10431	03		2	6	2	2.B205	DGT1252	-23456789-----
78			2	100	Trương Đình Bảo Hương	10431			6	6	2	2.B303	DGT1252	-23456789-----
79	863011	Quản lý HCNN & QL Ngành GD-ĐT (GDTH)	2	75	Hoàng Mạnh Khương	10433	01		4	4	2	C.E303	DGT1221	123456789012345----
80	863011	Quản lý HCNN & QL Ngành GD-ĐT (GDTH)	2	75	Hoàng Mạnh Khương	10433	02		3	4	2	2.B002	DGT1221	123456789012345----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu